

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/DS-PT  
Ngày 12-4-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Dũng.  
*Các Thẩm phán:* Bà Đinh Thị Mộng Tuyết  
Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Như T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số B, khu phố F, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1965; địa chỉ: Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Kim H, số B, đường C, phường Q, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2021), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn bà Trương Thị Như T trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên ngày 30/9/2019, bà Nguyễn Thị N có vay của bà Trương Thị Như T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay tiền bà N sửa nhà, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, đã hết thời hạn trả mà bà N không trả lãi cũng như không trả tiền vay gốc cho bà Trương Thị Như T số tiền vay trên nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Trương Thị Như T số tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

+ Trả tiền lãi chưa trả từ ngày 30/9/2019 đến ngày 30/11/2019 là 02 tháng trên số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng x 2%/tháng là 4.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 5 năm 2021 là 18 tháng x 20%/năm.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 10/12/2021, bà Nguyễn Thị Kim H là người đại diện hợp pháp của bà T yêu cầu bà N phải thanh toán cho bà T số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp là giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 30/9/2019.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N không đồng ý với toàn bộ lời khai và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, bà N cho rằng giữa bà với bà Tống Thị Khánh N (là mẹ ruột của bà Trương Thị Như T) trước đây cũng vào năm 2019 có vay mượn tiền với nhau, bà N đã kiện bà ra Tòa án, vụ việc đã giải quyết xong. Bà N cũng xác nhận bản gốc Giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 30/9/2019 do bà T giao nộp cho Tòa án đúng là chữ ký của bà N, bà N không có yêu cầu giám định nhưng bà T nại ra Giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 30/9/2019 là tiền lãi của khoản tiền bà N vay của bà Tống Thị Khánh N, bà N còn cho rằng do bà T ép buộc ký nhưng bà N không giao nộp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh quan hệ vay mượn giữa bà N với bà N cũng như việc bà T ép buộc bà N ký tên vào Giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 30/9/2019.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Như T đối với bà Nguyễn Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Như T số tiền vay gốc 100.000.000 đồng và khoản tiền lãi vay từ ngày 30/9/2019 đến tháng 12 năm 2021 là 43.160.000 đồng (bốn mươi ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng phải thanh toán là 143.160.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/12/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bị đơn kháng cáo không đồng ý trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 43.160.000 đồng. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn thừa nhận có ký tên trong Giấy thỏa thuận mượn tiền đề ngày 30/9/2019 nhưng cho rằng đây là số tiền lãi của số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng đã trả trước đó. Bà N cho rằng số tiền này là số tiền bà N mượn bà Tổng Thị Khánh N (là mẹ ruột của bà Trương Thị Như T) trước đây đã được giải quyết xong nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bị đơn thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền nhưng không chứng minh được đã thanh toán cho nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Trương Thị Như T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của Nhà nước từ ngày 30/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo Giấy thỏa thuận mượn tiền đề ngày 30/9/2019 có chữ ký và ghi họ tên của bị đơn.

[2] Bị đơn bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T và cho rằng Giấy thỏa thuận mượn tiền đề ngày 30/9/2019 là tiền lãi của khoản tiền bà N vay của bà Tổng Thị Khánh N (mẹ ruột của bà T). Hơn nữa, Giấy thỏa thuận mượn tiền đề ngày 30/9/2019 là do bà T ép buộc bị đơn bà N ký, không phải ý chí, tự nguyện của bị đơn.

[3] Xét thấy tại Giấy thỏa thuận mượn tiền đề ngày 30/9/2019 thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị N có vay của bà Nguyễn Thị Như T số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng (từ ngày 30/9/2019 đến ngày 30/11/2019); lãi suất 2%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác định chữ ký, chữ viết dưới nội dung “Người mượn tiền” trong Giấy thỏa thuận mượn tiền đề ngày 30/9/2019 là của bị đơn bà Nguyễn Thị N nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà N cho rằng Giấy thỏa thuận mượn tiền đề ngày 30/9/2019 là tiền lãi của khoản tiền bà N vay của bà Tổng Thị Khánh N và giấy trên cũng do bà T ép buộc bị đơn bà N ký vào nhưng bị đơn bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn bà N trả lại số tiền gốc 100.000.000 đồng cho nguyên đơn bà T là phù hợp.

[4] Về lãi suất: Giấy thỏa thuận mượn tiền đề ngày 30/9/2019 thì lãi suất hai bên thỏa thuận 2%/tháng. Tuy nhiên, tại đơn vắng mặt của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà T chỉ yêu cầu bà N thanh toán số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất, căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức lãi suất 20%/năm tương đương 1,66%/tháng với thời gian trả lãi từ ngày 30/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm tháng 12 năm 2021 là 26 tháng:  $100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 26 \text{ tháng} = 43.160.000 \text{ đồng}$  là phù hợp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không có chứng cứ khác làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[2] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà N được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N.
  2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.
  3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị N được miễn.
- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã B;
- TAND thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Trung Dũng**